

Bản án số: **186/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-11-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Thanh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Lữ Quốc Toàn**.

2. Bà **Nguyễn Thị Thu**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đinh Thị Hạ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:* Không tham gia.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 638/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1987 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2023, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện chị và anh Nguyễn Văn X sống chung và đăng ký kết hôn năm 2010, tại xã U nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống hôn nhân nhiều áp lực và lo lắng. Anh chị đã tự hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2023 đến nay. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu

thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh [Nguyễn Văn X](#).

Về con chung: Chị và anh [Nguyễn Văn X](#) có 02 người con chung là cháu [Nguyễn Thị Bích P](#) sinh ngày 15/02/2012 và cháu [Nguyễn Thị Bích N](#) sinh ngày 15/4/2014. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung, không yêu cầu anh [Nguyễn Văn X](#) cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh [Nguyễn Văn X](#) trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị [Nguyễn Thị H](#) về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa anh và chị [Nguyễn Thị H](#). Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng không sống chung từ tháng 8/2023 cho đến nay. Chị [H](#) yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị [Nguyễn Thị H](#).

Về con chung: Anh đồng ý giao 02 người con chung là cháu [Nguyễn Thị Bích P](#) sinh ngày 15/02/2012 và cháu [Nguyễn Thị Bích N](#) sinh ngày 15/4/2014 cho chị [Nguyễn Thị H](#) trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị [Nguyễn Thị H](#) yêu cầu ly hôn với anh [Nguyễn Văn X](#) và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”; anh [Nguyễn Văn X](#) đang cư trú tại [ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai](#). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Nguyễn Văn X](#) có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Nguyễn Văn X](#) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Nguyễn Văn X](#) tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được [Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai](#) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào 2010, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị [Nguyễn Thị H](#) yêu cầu được ly hôn với anh [Nguyễn Văn X](#) vì cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh [Nguyễn Văn X](#) cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi nhau, hiện nay anh chị không còn quan tâm đến nhau, nên anh chấp nhận ly hôn. Cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị

[Nguyễn Thị H](#) và anh [Nguyễn Văn X](#) mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị [Nguyễn Thị H](#) là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Nguyễn Văn X](#) 02 người con chung là cháu [Nguyễn Thị Bích P](#), sinh ngày 15/02/2012 và cháu [Nguyễn Thị Bích N](#), sinh ngày 15/4/2014. Anh [Nguyễn Văn X](#) đồng ý giao con chung cho chị [Nguyễn Thị H](#) trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng của các con là được sống với mẹ. Do đó, giao 02 con chung cho chị [Nguyễn Thị H](#) trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tạm thời chị [Nguyễn Thị H](#) không yêu cầu anh [Nguyễn Văn X](#) cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Nguyễn Văn X](#) không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Nguyễn Văn X](#) khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị [Nguyễn Thị H](#) phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân gia và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị [Nguyễn Thị H](#) được ly hôn với anh [Nguyễn Văn X](#).

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu [Nguyễn Thị Bích P](#), sinh ngày 15/02/2012 và cháu [Nguyễn Thị Bích N](#), sinh ngày 15/4/2014 cho chị [Nguyễn Thị H](#) trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động.

Tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh [Nguyễn Văn X](#).

Anh [Nguyễn Văn X](#) được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có

quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không giải quyết.

5. Về án phí: Chị [Nguyễn Thị H](#) phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị [Nguyễn Thị H](#) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0008833 ngày 29/9/2023 được tính trừ vào án phí. Chị [Nguyễn Thị H](#) đã nộp đủ án phí.

Chị [Nguyễn Thị H](#), anh [Nguyễn Văn X](#) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND **cấp xã**;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Thanh**